

Số: 29/BC-THPL

Pom Lót, ngày 27 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học 2024-2025

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên cơ sở giáo dục:

Trường Tiểu học xã Pom Lót (Pom Lót Primary School)

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn 4 - xã Pom Lót - Huyện Điện Biên - Tỉnh Điện Biên.

Điện thoại HT: 0352148918.

Địa chỉ thư điện tử: thpomlot@gmail.com

Trang thông tin điện tử: thpomlot.pgdhuyendienbien.edu.vn

Trang Web: <http://thpomlot.huyendienbien.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

Tên cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mệnh:

Tạo dựng môi trường giáo dục hợp tác, thân thiện, toàn diện, có chất lượng giáo dục tốt. Ở đây, mỗi học sinh đều có cơ hội bộc lộ, phát triển những điểm mạnh của mình và hoàn thiện bản thân, mỗi giáo viên đều có cơ hội trở thành những giáo viên xuất sắc.

4.2. Tầm nhìn:

Trường Tiểu học xã Pom Lót là một trong những ngôi trường có chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình, nơi giáo viên và học sinh luôn năng động, sáng tạo và có khả năng vươn tới thành công.

4.3. Mục tiêu

Đến năm 2026, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

4.3.1. Chất lượng giáo dục:

Tiếp tục duy trì các tiêu chí của trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2, Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục học sinh.

4.3.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên:

Trình độ chuyên môn giáo viên: Đạt chuẩn 100%, trong đó trên chuẩn 01 đồng chí đạt 2,9%.

4.3.3. Chất lượng học sinh:

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 100%;

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%;

Tỷ lệ trẻ em từ trên 11 đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

4.3.4. Thư viện và thiết bị dạy học

Duy trì thư viện đạt chuẩn theo quy định, và xây dựng một số tiêu chí của thư viện tiên tiến; mua sắm trang thiết bị dạy học đầy đủ, đáp ứng yêu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường tiểu học số 2 Sam Mứn (nay là trường Tiểu học xã Pom Lót) được tách ra từ trường PTCS Sam Mứn theo quyết định số 661/QĐ-UB-TC của UBND tỉnh Lai Châu (nay là tỉnh Điện Biên) ngày 24/9/1997. Đến tháng 10 năm 2013, do việc chia tách địa giới hành chính nên trường được đổi tên là trường Tiểu học xã Pom Lót. Là một trường có bề dày về thành tích dạy và học cũng như các hoạt động khác. Trong những năm qua, nhà trường đã khẳng định được vị thế của mình trong phong trào giáo dục và đào tạo chung của các trường trong huyện, là địa chỉ đáng tin cậy về chất lượng giáo dục. Đã có nhiều thầy cô đạt giải cao trong các hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, cấp huyện; Cán bộ quản lý được đánh giá có nghiệp vụ quản lý vững vàng. Chất lượng học sinh có sự chuyển biến rõ nét qua từng năm học. Trường luôn là trường có chất lượng đứng trong tốp đầu của huyện, được các cấp đánh giá cao và ghi nhận.

Hệ thống cơ sở vật chất của nhà trường đáp ứng khá đầy đủ các yêu cầu dạy và học theo chương trình GDPT 2018. Trường có khuôn viên, khu nhà vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, sân bãi của trường đáp ứng yêu cầu hoạt động giáo dục. Thư viện, thiết bị đồ dùng dạy học phục vụ cho việc dạy - học của giáo viên và học sinh đầy đủ; có phòng học Tin học đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Phòng truyền thống có trưng bày các hình ảnh minh họa sinh động, cụ thể quá trình phát triển của nhà trường qua các thời kỳ.

Thực hiện cuộc vận động “Hai không” với bốn nội dung, cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, Trường Tiểu học xã Pom Lót đã quan tâm đến công tác nâng cao chất lượng đội ngũ. Cán bộ quản lý và giáo viên, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đổi mới phương pháp quản lý và dạy học, đổi mới việc kiểm tra, đánh giá học sinh. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học nhằm nâng cao hiệu quả giờ dạy.

Thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giảng dạy, các hoạt động trải nghiệm, làm tốt công tác truyền thông, các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

Trường Tiểu học xã Pom Lót tự đánh giá chất lượng nhà trường nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục để cha mẹ học sinh yên tâm khi cho con em mình đến học tại trường. Qua tự đánh giá chất lượng nhà trường biết mình đang ở cấp độ nào? Uy tín của nhà trường với cha mẹ học sinh, với địa phương, với nhân dân, với ngành GD&ĐT đến đâu? Từ đó biết rõ thực trạng của nhà trường để có những giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục.

Trường tiểu học xã Pom Lót là đơn vị được công nhận đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 1 năm 2001. Với bề dày thành tích toàn diện trên nhiều lĩnh vực từ dạy và học đến các hoạt động giáo dục khác, nhà trường đã góp phần không nhỏ để xây dựng bảng thành tích giáo dục chung của huyện nhà. Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 17/5/2012 nên các hoạt động đi vào chiều sâu chất lượng. Từ đó đến nay, trường vẫn duy trì giữ vững các tiêu chí của trường chuẩn Quốc gia mức độ 2. Đã hoàn thành công tác kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người đại diện liên hệ

- Họ tên: Lê Thị Thu
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ làm việc: Trường Tiểu học xã Pom Lót, Tỉnh Điện Biên
- Điện thoại: 0352148918
- Gmail: lethithu77@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường:

QĐ số 3882/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2013 của UBND huyện Điện Biên. Quyết định về việc đổi tên “Trường TH số 2 xã Sam Mứn” thành “Trường TH xã Pom Lót”.

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường:

QĐ số 2850/QĐ-UBND, ngày 04/10/2023 của UBND huyện Điện Biên về việc thành lập Hội đồng trường Tiểu học xã Pom Lót nhiệm kỳ 2023-2028.

Danh sách hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ hiện tại	Ghi chú
1	Lê Thị Thu	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng.	CTHĐT
2	Lò Văn Việt	Phó CTUBND xã Pom Lót	UV
3	Nguyễn Thị Dung	Phó HT – Chủ tịch CĐ trường	UV
4	Nguyễn Đức Thuận	GV - Bí thư chi đoàn TN	UV
5	Nguyễn Tiến Sen	Ban đại diện CMHS	UV

6	Bùi Thị Lan	Tổ trưởng tổ CM	UV
7	Trần Thị Thu Hương	Tổ trưởng tổ CM	UV
8	Nguyễn Thị Quyên	Tổ trưởng tổ CM	UV
9	Trần Thị Phương Thảo	Kế toán – Đại diện tổ VP	UV
10	Nguyễn Thị Nguyên	Tổ trưởng tổ CM	UV
11	Đỗ Thị Vui	TPT Đội	Thư kí

c. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: QĐ số 1439/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của UBND huyện Điện Biên.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng: QĐ số 264/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Điện Biên.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục:

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của CSGD:

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 32 đảng viên.

+ 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Công đoàn có 39 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh có 530 đội viên và nhi đồng.

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 5 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ. QĐ số 3882/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2013 của UBND huyện Điện Biên. Quyết định về việc đổi tên “Trường TH số 2 xã Sam Mứn” thành “Trường TH xã Pom Lót”

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Lê Thị Thu	Hiệu trưởng	0352148918	lethithu77@gmail.com
2	Nguyễn Thị Dung	Phó hiệu trưởng	0919076208	dungn76@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường.
- Quy chế dân chủ.
- Các nghị quyết của Hội đồng trường.
- Các quy định về quản lý hành chính, tài chính, nhân sự.
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.
- Kế hoạch, thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục: Không
- Các quy chế khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào

tạo: Tổng số 39 CBQL, GV, NV, trong đó:

STT	Tên vị trí việc làm	Số lượng người	Ghi chú
Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý			
1	Hiệu trưởng	01	
2	Phó HT	01	
Vị trí việc làm gắn với chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			
1	Giáo viên TH hạng II	31	
2	Giáo viên TH hạng III	02	
3	Giáo viên TH hạng IV	0	
Vị trí việc làm gắn với chức danh công việc hỗ trợ, phục vụ			
1	Vị trí việc làm Thư viện, Thiết bị	1	
2	Vị trí việc làm Y tế trường học	0	
3	Vị trí việc làm Kế toán	1	
Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ			
1	Nhân viên bảo vệ	1	
2	Nhân viên phục vụ	1	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

100% CBQL, giáo viên đạt chuẩn.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

Cán bộ QL, giáo viên 100% hoàn thành bồi dưỡng hằng năm.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có 01 điểm trường chính và 02 điểm trường lẻ

- Trung tâm có diện tích là 11.813,8 m²/416 học sinh, trung bình đạt 28,4 m²/học sinh

- Điểm trường Pá Nậm có diện tích là 1.367 m²/77 học sinh, trung bình đạt 17,7 m²/học sinh.

- Điểm trường Na Hai có diện tích là 1.250 m²/37 học sinh, trung bình đạt 33,8 m²/học sinh.

Đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu trường chuẩn quốc gia mức độ 2. Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định, đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và có hiệu quả.

CB, GV, NV và học sinh trong trường có ý thức cao trong việc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan trường lớp, CSVC đã được đầu tư và tu sửa hàng năm đảm bảo cho công tác dạy và học.

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Nhà trường có đủ số phòng học đáp ứng yêu cầu mỗi lớp một phòng riêng. Diện tích phòng học đảm bảo đúng quy định. Các phòng học có đầy đủ bàn ghế, hệ thống ánh sáng, quạt, tủ đựng tài liệu đúng quy cách. Trang thiết bị giáo dục được trang bị khá đầy đủ.

Khối phòng phục vụ học tập của nhà trường gồm có: Phòng giáo dục Nghệ thuật; phòng Tin học, phòng Ngoại ngữ, phòng Thư viện, phòng Thiết bị; phòng Truyền thống và hoạt động Đội; phòng khoa học công nghệ. Các phòng có đầy đủ nội quy và trang thiết bị giáo dục, đều đảm bảo kích thước, diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Phòng Tin học có tổng số 19 máy tính. Các máy đều được kết nối mạng Internet tạo điều kiện cho giáo viên giảng dạy; học sinh học và tham gia ôn luyện các cuộc thi trên mạng, đáp ứng được yêu cầu phát hiện, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. Các phòng khác đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục nhà trường.

Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị có đủ theo quy định phục vụ cho công tác quản lý, dạy và học. Trong các phòng được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị đáp ứng yêu cầu trong từng lĩnh vực.

Trường có nhà để xe đủ diện tích, thuận tiện, hài hòa với khuôn viên, đáp ứng nhu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Số máy chiếu và ti vi thông minh được dùng để sử dụng trong dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học.

Ngoài ra nhà trường tiếp tục phát động phong trào giáo viên tham gia làm đồ dùng dạy học và khen thưởng động viên những giáo viên có đồ dùng đạt chất lượng phát huy tối đa việc sử dụng vào giảng dạy. Ban giám hiệu và tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy.

Hàng năm có kế hoạch tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học. Thường xuyên tham mưu với Ban lãnh đạo UBND xã, phòng Văn hóa xã hội, đề xuất, kiến nghị kịp thời, xin cấp bổ sung thiết bị đồ dùng dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học.

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường có đầy đủ sách báo, tài liệu tham khảo. Nhà trường đã có “tủ sách giáo khoa dùng chung” để phục vụ số học sinh không đủ điều kiện mua sách, đảm bảo cho mỗi học sinh có 01 bộ sách giáo khoa học tập bằng hình thức mua.

Sách Pháp luật gồm: 40 quyển, phục vụ cho công tác tuyên truyền, phổ biến, tra cứu, tìm hiểu các thông tin về chính sách, pháp luật góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật của CB, GV, NV và học sinh trong nhà trường. Đây là một trong những công cụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả và thiết thực.

Sách bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho giáo viên tìm hiểu, nghiên cứu các phương pháp dạy học tối ưu đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tài liệu hướng dẫn giáo viên dùng để phục vụ cho công tác nghiên cứu, học tập, đổi mới phương pháp, nâng cao kiến thức giảng dạy đáp ứng nhu cầu dạy và học của nhà trường: 324 quyển.

Thư viện có hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và học sinh.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục - Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

Hàng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên

***Đánh giá theo từng tiêu chí**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả tự đánh giá				Kết quả đánh giá ngoài			
	Không đạt	Đạt			Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1								
Tiêu chí 1.1				X				X
Tiêu chí 1.2			X	-			X	-
Tiêu chí 1.3				X				X
Tiêu chí 1.4				X				X
Tiêu chí 1.5			X	-			X	-
Tiêu chí 1.6				X				X
Tiêu chí 1.7			X	-			X	-
Tiêu chí 1.8			X	-			X	-
Tiêu chí 1.9			X	-			X	-
Tiêu chí 1.10			X	-			X	-
Tiêu chuẩn 2								
Tiêu chí 2.1				X				X
Tiêu chí 2.2				X				X
Tiêu chí 2.3				X				X
Tiêu chí 2.4				X				X
Tiêu chuẩn 3								
Tiêu chí 3.1				X				X
Tiêu chí 3.2				X				X
Tiêu chí 3.3				X				X

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả tự đánh giá				Kết quả đánh giá ngoài			
	Không đạt	Đạt			Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.4			x	-			x	-
Tiêu chí 3.5				x				x
Tiêu chí 3.6				x				x
Tiêu chuẩn 4								
Tiêu chí 4.1				x				x
Tiêu chí 4.2				x				x
Tiêu chuẩn 5								
Tiêu chí 5.1			x	-			x	-
Tiêu chí 5.2				x				x
Tiêu chí 5.3				x				x
Tiêu chí 5.4				x				x
Tiêu chí 5.5				x				x

Kết quả: Đạt mức 2.

- Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả tự đánh giá		Kết quả đánh giá ngoài		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
1	-	x	-	x	
2	-	x	-	x	
3	-	x	-	x	
4	x	-	x	-	
5	x	-	x	-	

Kết quả: Không đạt Mức 4.

Kết luận: Trường đạt Mức 2.

* Ngày 28 tháng 11 năm 2021 nhà trường được UBND tỉnh Quyết định công nhận đạt kiểm định cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

Năm học 2024-2025 nhà trường có tổng số 539 học sinh, số học sinh nữ là 256 em chiếm 48,3%. Có 21 lớp, bình quân học sinh/lớp đạt 25 học sinh. Học sinh dân tộc thiểu số 211em chiếm 39,8% số học sinh toàn trường, Tỷ lệ học sinh được huy động ra lớp đạt 100%; các em đi học chuyên cần, có ý thức tham gia học tập, lao động và rèn luyện tốt. Có 539/539 HS được học 2 buổi/ngày đạt 100%. Toàn trường có 04 học sinh khuyết tật học hòa nhập.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

*** Khối 1, 2, 3, 4, 5 (HS được đánh giá theo TT27/2020)**

- GV dạy lớp 1,2, 3, 4, 5 quan tâm đến việc đánh giá thường xuyên sự hình thành và phát triển 3 năng lực chung, 7 năng lực đặc thù cho học sinh.

*** Về học tập**

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
Tổng số học sinh		95		116		102		113		113		539	
<i>HS Khuyết tật</i>		1		2		2				5		5	
HS được đánh giá		95		116		102		13		113		539	
Môn học	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Tiếng Việt	HTT	60	63,2	71	61,2	41	40,2	81	71,7	76	67,3	329	61
	HT	34	35,7	42	36,2	61	59,8	32	28,3	37	32,7	206	38,2
	CHT	1	1,1	3	2,6							4	0,8
2. Toán	HTT	61	64,2	74	63,8	46	45	83	73,5	79	69,9	343	63,7
	HT	33	34,7	39	33,6	55	54	30	26,5	34	30,1	191	35,4
	CHT	1	1,1	3	2,6	1	1					5	0,9
3. Ngoại ngữ 1	HTT	43	45,3	65	67,7	33	32,4	68	60,2	68	60,2	277	51,5
	HT	26	27,4	30	31,3	69	67,6	45	39,8	45	39,9	215	39,9
	CHT	2	2,1	1	1,0							3	0,6
4. Đạo đức	HTT	65	62,5	75	64,7	60	58,8	83	73,5	79	70	362	67,2
	HT	30	37,5	41	35,3	42	41,2	30	26,5	34	30	177	32,8
	CHT			0	0								

5. TN&XH	HTT	61	64,2	75	64,7	61	59,8						197	62,9
	HT	34	35,7	41	35,3	41	40,2						116	37,1
	CHT			0	0									
6. Khoa học	HTT							84	74,3	82	72,6		166	73,5
	HT							29	25,7	31	27,4		60	25,5
	CHT													
7. LS&ĐL	HTT							77	68,1	71	62,8		148	65,5
	HT							36	31,9	42	37,2		78	34,5
	CHT													
Nghệ thuật	8. Âm nhạc	HTT	60	63,2	70	60,3	58	56,9	81	71,7	71	62,8	340	63,1
		HT	35	36,8	46	39,7	44	43,1	32	28,3	42	37,2	199	36,9
		CHT												
	9. Mỹ Thuật	HTT	62	65,3	72	62,1	57	55,9	76	67,3	73	64,6	340	63,1
		HT	33	34,7	44	37,9	45	44,1	37	32,7	40	35,4	199	36,9
		CHT												
10. GDTC	HTT	61	64,2	75	64,7	57	55,9	83	73,5	71	62,8		347	64,4
	HT	34	35,7	41	35,3	45	44,1	30	26,5	42	37,2		192	35,6
	CHT													
11. Tin học	HTT					47	46,1	80	70,8	77	68,1		204	62,2
	HT					55	53,9	33	29,2	36	31,9		124	37,8
	CHT													
12. Công nghệ	HTT					44	43,1	75	66,4	75	66,4		194	59,1
	HT					58	56,9	38	33,6	38	33,6		134	40,9
	CHT													
13. HĐTN	HTT	60	63,2	71	61,2	57	55,9	80	70,8	69	61,1		337	25,5
	HT	35	36,8	45	38,8	45	44,1	33	29,2	44	38,9		202	37,5
	CHT													

*** Những phẩm chất chủ yếu:**

Các phẩm chất	Mức đạt được	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng	
		TS HS 95		TS HS 116		TS HS 102		TS HS 113		TS HS 113		TS HS 539	
		SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %	SL	Tỉ lệ %
1. Yêu nước	Tốt	95	100	116	100	102	100	113	100	113	100	539	100
	Đạt												
	CCG												
2. Nhân ái	Tốt	95	100	116	100	98	96	113	100	112	99,1	534	99,1
	Đạt					4	4			1	0,9	5	0,9
	CCG												
3. Chăm chỉ	Tốt	66	69,5	73	62,9	61	60	80	70,8	77	68,1	357	66,2

4. Trung thực	Đạt	29	30,5	40	34,5	41	40	33	29,2	36	31,9	179	33,2
	CCG			3								3	0,6
	Tốt	81	85,3	89	76,7	60	59	86	76,1	103	91,2	419	77,7
	Đạt	14	14,7	27	23,3	42	41	27	23,9	10	8,8	120	22,3
5.Trách nhiệm	CCG												
	Tốt	69	72,6	74	63,8	59	58	80	70,8	76	67,3	358	66,4
	Đạt	26	27,4	42	36,2	43	42	33	29,2	37	32,7	181	33,6
	CCG												

*** Những năng lực cốt lõi:**

Năng lực	Mức đạt được	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng	
		TS HS		TS HS		TS HS		TS HS		TS HS		TS HS	
		SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
Năng lực chung													
1. Tự chủ và tự học	Tốt	61	65,3	69	59,5	56	55	79	70	85	75,2	350	65
	Đạt	32	33,6	45	38,8	46	45	34	30	28	24,8	185	34,3
	CCG	2	2,1	2	1,7							4	0,7
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	60	63,2	70	60,3	60	59	79	70	86	76,1	355	65,9
	Đạt	33	34,7	43	37,1	42	41	34	30	27	23,9	179	33,2
	CCG	2	2,1	3	2,6							5	0,9
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	58	61,1	68	58,6	58	57	79	70	68	60,2	331	61,4
	Đạt	35	36,8	45	38,8	44	43	34	30	45	39,8	203	37,7
	CCG	2	2,1	3	2,6							5	0,9
Năng lực đặc thù													
1. Ngôn ngữ	Tốt	59	62,1	70	60,3	59	58	78	69,1	82	72,6	348	64,6
	Đạt	35	36,8	43	37,1	43	42	35	30,9	31	27,4	187	34,7
	CCG	1	1,1	3	2,6							4	0,7
2. Tính Toán	Tốt	61	64,2	69	59,5	60	59	73	64,6	78	69	341	63,3
	Đạt	33	34,7	44	37,9	41	40	40	35,4	35	31	193	35,8
	CCG	1	1,1	3	2,6	1	1					5	0,9
3. Khoa học	Tốt	61	64,2	68	58,6	59	58	80	70,8	89	78,8	357	66,2
	Đạt	34	35,7	45	38,8	43	42	33	29,2	24	21,2	179	33,2
	CCG			3	2,6							3	0,6
4. Thẩm mĩ	Tốt	61	64,2	68	58,6	59	58	75	66,4	73	64,6	336	62,3
	Đạt	34	35,7	45	38,8	43	42	38	33,6	40	35,4	200	37,1
	CCG			3	2,6							3	0,6

5. Thể chất	Tốt	64	67,4	68	58,6	59	58	81	71,7	75	66,4	347	64,4
	Đạt	31	32,6	45	38,8	43	42	32	28,3	38	33,6	189	35
	CCG			3	2,6							3	0,6

- Tỷ lệ học sinh chuyên lớp: 420/426 em đạt 99,6%

- Tỷ lệ học sinh HTCTTH: 113/113 em đạt 100%

- Học sinh XS: 146/539 em, đạt 27,1%

- HS tiêu biểu, HTT: 178/539, đạt 33%

Cuộc thi Tiếng anh IOE: Cấp trường: 21 HS đạt giải, cấp huyện 19 HS đạt giải; cấp tỉnh 19 HS đạt giải.

Cuộc thi Giao lưu Toán, Tiếng việt, Toán trên mạng: Cấp trường: 31 HS đạt chứng nhận và đạt giải; cấp huyện 54 HS đạt giải; cấp Tỉnh 33 em đạt giải.

Cuộc thi Thể thao HS cấp huyện: 05 em đạt giải, cấp tỉnh: 01 em đạt giải.

Cuộc thi sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng huyện Điện Biên: 01 sản phẩm đạt KK.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: 113/113 đạt 100%

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài: Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Dự toán được xây dựng đúng quy trình. Nhà trường thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Ngay đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và định kì tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ.

- Quyết toán chi ngân sách năm 2024:

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;

Dự toán được giao trong năm: 10.778.304.522 đồng

- Kinh phí thực nhận trong năm: 10.754.413.462 đồng

- Kinh phí quyết toán: 10.754.413.462 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 23.891.060 đồng, bao gồm:
 - + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
 - + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 23.891.060 đồng
- Kinh nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2024 -2025: 178.475.000 đồng
- Kinh phí quyết toán nhận tài trợ, viện trợ xã hội hóa giáo dục năm học 2024 -2025: 178.475.000 đồng;
- Kinh nhận nguồn thỏa thuận dịch vụ năm học 2024 -2025: 45.540.000 đồng
- Kinh phí quyết toán nguồn thỏa thuận dịch vụ năm học 2024 -2025: 45.540.000 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 0 đồng
- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý; chủ động các phương án để tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh, đề phòng các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh tại nhà trường, địa phương.

Tổ chức triển khai có hiệu quả của các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh; công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường.

2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ năm học

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học; bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của đơn vị trường đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học.

3. Về các phong trào hoạt động:

- Chi đoàn, Đội và giáo viên các khối phối hợp tổ chức tốt các giờ sinh hoạt tập thể, phát thanh măng non; tuyên truyền sâu về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống xâm hại trẻ; tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Kết nạp được 116 đội viên mới trong năm học.
- HS vẽ tranh chủ đề: “Vẽ tranh của thiếu niên, nhi đồng về Chiến thắng Điện Biên Phủ và hình ảnh Điện Biên Phủ hôm nay”, ...
- Tổ chức SHTT với chủ đề “An toàn giao thông”
- Tham gia vẽ tranh, làm báo chủ đề “Biết ơn thầy cô giáo”.
- HS tích cực tham gia viết thư UPU lần thứ 53, toàn trường chọn gửi 212 bức thư về BTC.
- Khuyến khích HS viết về Gương bạn tốt trong lớp, trường.
- Duy trì các hoạt động giáo dục ý thức, kỹ năng sống cho học sinh đặc biệt là kỹ năng phòng chống dịch bệnh.
- Nhà trường tuyên truyền tới ĐVCD hưởng ứng tốt các hoạt động từ thiện. Tích cực ủng hộ xây dựng các loại quỹ do các tổ chức phát động. Kết quả cụ thể như sau:

- Quỹ nhân đạo tỉnh Điện Biên: 1 170 000 đồng.
- Quỹ nhân đạo huyện Điện Biên: 1 500 000 đồng.
- Ủng hộ “Tết nhân ái” Xuân Ất Ty: 1 500 000 đồng.
- Ủng hộ quỹ Khuyến học huyện Điện Biên: 2 050 000 đồng.
- Ủng hộ quỹ Vì người nghèo huyện Điện Biên: 1 900 000 đồng.
- Ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do cơn bão số 3: 17 080 000 đồng.
- Ủng hộ xã Mường Pôn: 4 000 000 đồng.
- Ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa huyện Điện Biên: 840 000 đồng.
- Ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa xã Pom Lót: 1 900 000 đồng.
- Ủng hộ quỹ Hỗ trợ nông dân huyện Điện Biên: 1 230 000 đồng
- Ủng hộ mô hình camera an ninh xã Pom Lót: 820 000 đồng.
- Tổ chức hoạt động trải nghiệm đảm bảo an toàn, đạt hiệu quả tốt.
- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện nội quy của học sinh.

4. Công tác xã hội hóa:

- Phụ huynh luôn phối hợp ủng hộ các chủ trương của nhà trường trong công tác dạy dỗ và chăm sóc học sinh; luôn quan tâm đến đội ngũ CB - GV - NV.
- Phụ huynh các lớp tích cực tham gia lao động xây dựng cơ sở vật chất. Cùng nhà trường tôn tạo cảnh quan trường lớp học khang trang, sạch đẹp.

5. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- 100% CB-GV trong nhà trường thường xuyên trau dồi phẩm chất, đạo đức và học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thông qua các hình thức: Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, tham gia đủ các buổi tập huấn về công tác chuyên môn, đánh giá HS.
- Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo để nâng cao trình độ.

- Chi bộ trường có 32 đảng viên, các đảng viên đều gương mẫu, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

6. Công tác quản lý:

- Nhà trường làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra HĐSP của giáo viên. Tăng cường trật tự kỉ cương, nề nếp trong trường.
- Thường xuyên kiểm tra, thăm lớp dự giờ, quản lý chặt chẽ chất lượng giáo dục và việc thực hiện quy chế chuyên môn của giáo viên, nội quy và quy chế dân chủ trong nhà trường.
- Quản lí CB-GV-NV chặt chẽ, phân công đúng người rõ việc, công bằng.
- Triển khai tập huấn, hỗ trợ và động viên GV kịp thời cập nhật hệ thống phần mềm CSDL ngành đảm bảo tiến độ.
- Đảm bảo công khai, công bằng, chính xác việc bình xét thi đua hàng năm trên cơ sở động viên nhằm phát huy năng lực cá nhân và sức mạnh tập thể, cộng đồng trách nhiệm trong mọi công việc.
- Không có cá nhân vi phạm kỷ luật.
- Huy động sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể thông qua các hoạt động; có sơ tổng kết và tuyên dương, nhắc nhở kịp thời để rút kinh nghiệm.
- Đảm bảo chất lượng đại trà và mũi nhọn học sinh; nâng cao trình độ giáo viên, nhân viên.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2024-2025 của trường Tiểu học xã Pom Lót theo phụ lục 01 Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;
- Trang web nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Thu 20/10/2024 4:46:20.2276335+07:00